

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN DBIT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/07/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		KNT+TD5+P4	7:25	18+1+0	0+0+0		4+5+9	0+0+0	
2		CLO	7:25	22	0		22	0	
3		P7+AMD	7:25	13+9	0+0		9+13	0+0	
4		P5+TD1	7:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
5		P4+P1	9:25	5+17	0+0		0+22	0+0	
6		TD1+P3	9:25	10+12	0+0		6+16	0+0	
7		P4	9:25	22	0		22	0	
8		BK10+P5+P7	10:00	2+10+9	0+0+0		0+10+12	0+0+0	
9		TD1+CLO	11:25	12+10	0+0		10+12	0+0	
10		P1+KNT	11:25	16+1	0+0		5+17	0+0	
11		TGTH1+AMD	12:25	2+16	0+0		2+17	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ Đi về trong ngày Clo-6ng, P5-4ng, P7-3ng. KNT 16-ng

*(Handwritten signature)*  
Hồng Dương



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2025		TO: KNT - TD5 - P4			AIRCRAFT: 406			ETD: 07:30		
FLIGHT: 01		FROM: VT			CREW: TUYỀN - N.ANH -			ETA: 09:20		
Vnhs Flying Number: TM25/2584					QTRƯỜNG			XANH-1		
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VIỆT DŨNG	KNT						58	D-HANH	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐỨC PHONG	KNT	88	1	3			66	D-HANH	Vietnamese
3	BOVT A.V	KNT	59	1	4			93	D-HANH	Russian
4	NGUYỄN HỒNG GIANG	KNT	90	1	5			67	D-HANH	Vietnamese
5	KOZYK SERGEY	KNT	32,34	2	8			89	D-HANH	Russian
6	BUI ĐỨC HIEN	KNT	53	1	3			73	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC HAI	KNT	61	1	7			76	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC DŨNG	KNT						76	KH-THAC	Vietnamese
9	POPOV A.A	KNT	62	1	3			78	KH-THAC	Russian
10	TRỊNH QUỐC PHONG	KNT						61	CODIEN	Vietnamese
11	BUI NGỌC ĐO	KNT	91-92,31	3	14			73	ANTOAN	Vietnamese
12	BAGNIUKOV A.	KNT	89	1	2			90	XAYLAP	Russian
13	TRẦN DUY HAI	KNT						72	NIPI	Vietnamese
14	TRƯỜNG MINH ĐỨC	KNT						75	NIPI	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC BÌNH	KNT	58	1	2			58	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC TUAN	KNT	56-57	2	18			76	DK9	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN XUAN	KNT	54-55	2	9			69	DK9	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THANG	KNT	60	1	11			93	BIEN XANH	Vietnamese
19	VU VAN HOP	KNT	63	1	12			68	XAY LAP	Vietnamese
20	PHẠM NHẬT LINH	TD5	47-48	2	11	5	70	58	DMC-MI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	KNT	19	1.411	19	101	0	0	4		
2	TD5	1	58	2	11	5	70	5		
3	P4	0	0	0	0	0	0	9		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.469</b>	<b>21</b>	<b>112</b>	<b>5</b>	<b>70</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.469</b>		<b>112</b>		<b>70</b>			

GRAND TOTAL: 1.651 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CREW

Nghiêm Việt Anh



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2025		TO: CLO			AIRCRAFT: 420			ETD: 07:35		
FLIGHT: 02		FROM: VT			CREW: DƯƠNG - NPHÚ - TÚ			ETA: 09:25		
Vnhs Flying Number: TM25/2587					CAM-1					
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN THAI SON	CLO						88	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN AN BINH	CLO	44	1	2			65	D-HANH	Vietnamese
3	HOANG THE TAI	CLO	29	1	4			77	D-HANH	Vietnamese
4	TA NGOC ANH	CLO						72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN ĐỨC TIEN	CLO						81	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM VAN VIET	CLO	42	1	2			64	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN SINH	CLO	40	1	9	2	19	68	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	36	1	9			68	KHOAN	Vietnamese
9	VU MINH TU	CLO	26	1	4	3	50	72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH BINH	CLO	31-32	2	14			78	KHOAN	Vietnamese
11	VU NGOC LUAN	CLO	41	1	2			83	KHOAN	Vietnamese
12	CHU ĐỨC AI	CLO	27	1	2			77	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG VAN BON	CLO	46	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN CONG TAM	CLO	47	1	2			69	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TAM	CLO	28	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
16	CAO VAN VIET	CLO	30	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN PHU VINH	CLO	43	1	6			55	KHOAN	Vietnamese
18	ĐINH NGỌC GIANG	CLO	35	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN LAP QUOC	CLO	45	1	5			59	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM ĐỨC MINH	CLO	37	1	2			64	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM CONG CHUNG	CLO	33	1	13			81	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN CONG BANG	CLO	34	1	11			78	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	22	1.580	20	108	5	69	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.580</b>	<b>20</b>	<b>108</b>	<b>5</b>	<b>69</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.580</b>		<b>108</b>		<b>69</b>			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CREW



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2025	TO: P7 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LINH - SON - HUY	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐÀO TRUNG KIÊN	P7	83	1	3	3	46	62	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ĐĂNG MINH ĐỨC	P7						91	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO HUU HUY TU	P7						72	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HOAI THANH	P7	88-89	2	15			61	YTE	Vietnamese
5	NGUYEN TRỌNG MINH	P7	84	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THE DIEN	P7	82	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC SƠN	P7						75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ĐÌNH TRỌNG	P7	86	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN ANH ĐỨC	P7	87	1	8			88	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN TIEN HIỆP	P7	81	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI CONG LAN	P7						69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7						78	KH-THAC	Vietnamese
13	LAM ĐĂNG GIANG	P7	85	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN AN	AMD	41	1	6	2	35	68	HLIOC	Vietnamese
15	TRƯỜNG THE HIEN	AMD	40	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	60	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN ĐÌNH KHANH	AMD	61	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM ANH NGŨ	AMD	43-44	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO BA THANH	AMD	42	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
20	YA LỘC	AMD	36-37	2	10			69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HIEN	AMD	34-35	2	8			72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	38-39	2	18			69	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P7	13	936	9	69	3	46	9		
2	AMD	9	608	13	77	2	35	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.544</b>	<b>22</b>	<b>146</b>	<b>5</b>	<b>81</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.544</b>		<b>146</b>		<b>81</b>			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2025	TO: P5 - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LHM - TDONG - THONG -	ETA: 09:35
TRANG-1		T.HIEU	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN QUANG DIEN	P5				1	15	61	D-HANH	Vietnamese
2	VU VAN MANH	P5						79	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VINH PHUONG	P5						68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG VIET	P5	14	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
5	TONG XUAN SINH	P5	18	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CUONG	P5	73	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
7	LE THANH TUAN	P5						80	AN TOAN	Vietnamese
8	BADRETDINOV EDGAR	TD1	43	1	10			77	KHOAN	Russian
9	ĐANG VIET KHÔI	TD1						75	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1	48-49	2	7			71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THIEU	TD1	44	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC TUAN	TD1	45	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN SÁNG	TD1	52	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG MINH PHUC	TD1	57	1	9			78	KHOAN	Vietnamese
15	MAI ANH TUAN	TD1	53	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
16	BUI VAN NINH	TD1	46	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC DUNG	TD1	59	1	7			63	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN HUY QUANG	TD1	58	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	54-55	2	9			66	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN PHONG	TD1	56	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
21	TA HOAI TRANG	TD1	47	1	12			76	ANTOAN	Vietnamese
22	NGUYEN HONG HAI	TD1	50-51	2	9	8	140	63	YTE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P5	7	509	3	17	1	15	6		
2	TD1	15	1.073	17	97	8	140	16		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.582</b>	<b>20</b>	<b>114</b>	<b>9</b>	<b>155</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.582</b>		<b>114</b>		<b>155</b>			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2025	TO: P4 - P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ĐƯƠNG - NPHÚ - TÚ	ETA: 11:45
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PODYMOV D.N.	P4	64	1	9			142	KH-THAC	Russian
2	TRINH VIET THANG	P4	75	1	11			83	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG NGOC TRUONG	P4	63	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HOANG	P4	74	1	3			92	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU SY	P4	73	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
6	LE HUY TAM	P1	78	1	3	3	45	54	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN XUAN LANH	P1	55	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH VAN THANG	P1	54	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN ĐANG QUANG	P1	84	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGOC HAI	P1	76	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÔNG VĂN THỊNH	P1	82	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG HOANG HIẾU	P1	83	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN KHANH DUY	P1						76	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VAN LINH	P1	73	1	15			62	YTE	Vietnamese
15	VI KHAC THANH	P1	85	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
16	LUU VAN TUAN	P1	81	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
17	LE QUANG TIEN	P1	56	1	2			61	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN THUONG	P1	79	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ HỮU CHUNG	P1	74	1	4			51	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN LUAN	P1	75	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	77	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
22	DƯƠNG NGUYEN LONG NHAN	P1	80	1	5			128	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	5	469	5	39	0	0	0		
2	P1	17	1.190	16	103	3	45	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.659</b>	<b>21</b>	<b>142</b>	<b>3</b>	<b>45</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.659</b>		<b>142</b>		<b>45</b>			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



<b>DATE:</b> 11/07/2025	<b>TO:</b> TD1 - P3	<b>AIRCRAFT:</b> 410	<b>ETD:</b> 10:00
<b>FLIGHT:</b> 06	<b>FROM:</b> VT	<b>CREW:</b> LINH - SON - HUY	<b>ETA:</b> 11:50
<b>CAM-2</b>			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM MINH HIẾU	TD1	30	1	3	1	20	56	KHOAN	Vietnamese
2	BUI VAN LUẬN	TD1	29	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
3	LAI ĐỨC LAM	TD1	37	1	8			70	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN THANH TUAT	TD1	31	1	7			57	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TUYẾN	TD1	38	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
6	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	36	1	8			65	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ QUANG LỰC	TD1	34	1	7			65	KHOAN	Vietnamese
8	LE VIỆT THANH	TD1	35	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
9	BUI VIỆT BẠC	TD1	33	1	12			79	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẠO DUY ĐIỆP	TD1	32	1	14			79	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG MẠNH CƯỜNG	P3	01	1	8	2	30	66	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH SONG HAI	P3	78-79	2	13			62	YTE	Vietnamese
13	CHAU ĐÌNH TỬ	P3	97	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
14	LAM TUẤN KHAI	P3				2	23	65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P3	98	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC VINH	P3	87	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG NAM HAI	P3	99,200	2	9			88	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TAM THUY	P3	84	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
19	CAO HỮU PHƯỚC	P3	81-82	2	7			75	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN ĐỨC	P3	88-89	2	18			76	T-TIN	Vietnamese
21	ĐỖ HOÀI NAM	P3	83	1	7			67	PSV	Vietnamese
22	PHẠM MINH TUẤN	P3	80	1	12			64	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	10	688	10	73	1	20	6		
2	P3	12	854	15	91	4	53	16		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.542</b>	<b>25</b>	<b>164</b>	<b>5</b>	<b>73</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.542</b>		<b>164</b>		<b>73</b>			

**GRAND TOAL:** 1.779 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2025	TO: P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:05
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LHM - TDONG - THONG -	ETA: 11:55
VANG-2		T.HIEU	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	51-52	2	8			50	KH-THAC	Vietnamese
2	LE NGỌC THĂNG	P4	61-62	2	10			83	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TÂM	P4	65	1	10			65	YTE	Vietnamese
4	LAM VĂN PHÚC	P4	66	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	49	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI TIẾN THÀNH	P4	63	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG KHÁC DŨ	P4	44-45	2	15			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN CŨ	P4						59	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HUYỀN	P4	53	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HAI	P4	46	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG THE ANH	P4	57	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
12	LAM XUÂN HAI	P4	47	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	48	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HAI	P4	88	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH NAM	P4	56	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM LÊ DƯƠNG	P4						82	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN CAO MẠNH	P4	59-60	2	6			72	KH-THAC	Vietnamese
18	HA XUAN QUY	P4	54	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	P4	50	1	15			75	CODIEN	Vietnamese
20	BUI ĐỨC HẬU	P4				4	28	64	CODIEN	Vietnamese
21	ĐÌNH ĐỨC VƯƠNG	P4	43	1	13	1	14	77	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN VĂN CÁN	P4	64	1	6			71	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	22	1.536	23	139	5	42	22		
	TOTAL	22	1.536	23	139	5	42	22		
	WEIGHT KG		1.536		139		42			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2025		TO: BK10 - P5 - P7			AIRCRAFT: 406			ETD: 10:10		
FLIGHT: 08		FROM: VT			CREW: TUYỀN - N.ANH -			ETA: 12:00		
Vnhs Flying Number: TM25/2585					QTRƯỜNG			TRANG-2		
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TÔ TIÊN HÙNG	BK10	15-16	2	14	2	30	78	CODIEN	Vietnamese
2	BUI VAN MINH	BK10	13-14	2	11			68	CODIEN	Vietnamese
3	TRAN DINH TU	P5	08	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
4	LUONG VAN THANH	P5	01	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NGOC	P5	06	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU THANH	P5	11	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ VIỆT LONG	P5	12	1	12			110	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN MINH	P5	07	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ MINH PHƯỢNG	P5	09-10	2	12			62	DVL	Vietnamese
10	TRƯỜNG HỮU PHƯỚC	P5	05	1	3			61	YTE	Vietnamese
11	ĐOÀN ANH PHƯƠNG	P5	02-03	2	13			68	PSV	Vietnamese
12	BUI VAN QUAN (1972)	P5	04	1	5			63	PSV	Vietnamese
13	LUU NGUYEN QUOC HUY	P7	06	1	9			99	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH LỢI	P7	07	1	12			61	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH QUÊ	P7	08	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	P7	09	1	13			75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯỜNG HỒNG HẢI	P7	05	1	12			87	KH-THAC	Vietnamese
18	KOMARITSKIKH	P7	10	1	8			97	KH-THAC	Russian
19	ĐÀO TUAN CHỦ	P7	03-04	2	10			62	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN QUYÊN	P7	02	1	5			59	PSV	Vietnamese
21	DINH VAN LUY	P7	01	1	6			52	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK10	2	146	4	25	2	30	0		
2	P5	10	734	12	73	0	0	10		
3	P7	9	667	10	85	0	0	12		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.547</b>	<b>26</b>	<b>183</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.547</b>		<b>183</b>		<b>30</b>			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CREW

Nguyễn Việt Anh



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2025		TO: TD1 - CLO			AIRCRAFT: 416			ETD: 12:25		
FLIGHT: 09		FROM: VT			CREW: LHM - TDONG - THONG -			ETA: 14:15		
Vnhs Flying Number: TM25/2595					T.HIEU			XANH-3		
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HUU LUAN	TD1	26	1	11			68	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN TRONG TIEN	TD1	27	1	15			77	KHOAN	Vietnamese
3	NGO DUY NGOC	TD1	29	1	15			64	KHOAN	Vietnamese
4	DINH VAN BAC	TD1	41-42	2	13			67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN DUNG	TD1	30-31	2	4			69	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN NGOC THAI	TD1	61-62	2	9			84	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN CAO	TD1	40	1	12			65	CODIEN	Vietnamese
8	TONG TIEN QUANG	TD1	33	1	15			81	DVL	Vietnamese
9	LUONG MANH HAI	TD1	60,63	2	18			83	DVL	Vietnamese
10	TRAN ANH VINH	TD1	32	1	8			59	DVL	Vietnamese
11	VU HOANG QUAN	TD1	28	1	10			53	PSV	Vietnamese
12	LE XUAN TINH	TD1	34	1	4			93	PSV	Vietnamese
13	HOANG TRUNG THONG	CLO	19	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
14	VU MINH HIEU	CLO	20	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN MANH CUONG	CLO						81	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM DINH BAO	CLO	13	1	9			66	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM VAN HIEU	CLO	16	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG SON	CLO	12	1	9			72	DVL	Vietnamese
19	KIEU TUAN ANH	CLO	21-22	2	11			85	DVL	Vietnamese
20	NGO VAN THANH	CLO	14-15	2	10			65	PSV	Vietnamese
21	VU MANH HUONG	CLO	17	1	4			51	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN THANH TUAN	CLO	18	1	3			78	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	12	863	16	134	0	0	10		
2	CLO	10	724	11	66	0	0	12		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.587</b>	<b>27</b>	<b>200</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.587</b>		<b>200</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CREW



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2025	TO: THOR - KNT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - HTRUNG - TOAN	ETA: 14:25
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG ĐỨC TOANH	THOR	39	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	THOR	35	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	THOR	34	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ MINH HIỆU	THOR	40	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN HAO	THOR	38	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG TUNG	THOR	42	1	7			62	PVDWS	Vietnamese
7	TRẦN VIỆT HO	THOR	43	1	18			77	DVL	Vietnamese
8	TRẦN VĂN NGHĨA	THOR	41	1	16			85	DVL	Vietnamese
9	TRẦN BA ĐỨC	THOR	46-47	2	17			87	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HỘI	THOR	45	1	15			65	DVL	Vietnamese
11	NHÂM ĐỨC TUÂN	THOR	46	1	12			72	DVL	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN CHUNG	THOR	44	1	16			76	DVL	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC NGÂN	THOR	49	1	11			57	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN THANH QUANG	THOR	50	1	9			70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH TUÂN	THOR	37	1	11			70	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẶNG XUÂN TRƯỜNG	THOR	36	1	7			54	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	KNT	51-52	2	17			67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TIÊN	KNT	31,46	2	22			78	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	THOR	16	1,119	17	168	0	0	3		
2	KNT	2	145	4	39	0	0	19		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.264</b>	<b>21</b>	<b>207</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.264</b>		<b>207</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.471 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

# FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2025	TO: TGTH1 - AMD	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: LTUẤN - XTRƯỜNG	ETA: 14:20
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VIỆT ĐỨC	TGTH1	73	1	8	1	20	80	KH-THAC	Vietnamese
2	LE QUANG VIỆT	TGTH1	74	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	81	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	79	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH SONG	AMD	82	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN PHƯƠNG	AMD	84	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ PHAN NGỌC CHÂU	AMD	80	1	6			88	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TẤN	AMD	77	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ ĐỨC VIỆT	AMD	78	1	5			76	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	44-45	2	6			68	PSV	Vietnamese
11	TRẦN VĂN NHÂN	AMD	75	1	13			79	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG PHÚC PHI	AMD	72-73	2	14			68	HA VIỆT	Vietnamese
13	BÙI VĂN ĐỨC	AMD	42	1	7			71	HA VIỆT	Vietnamese
14	NGUYỄN MẬU THÔNG	AMD	83	1	8			82	HA VIỆT	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN MẠNH	AMD	46	1	9			82	HA VIỆT	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC TUẤN	AMD	76	1	15			61	HA VIỆT	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TUẤN	AMD	43	1	11			70	HA VIỆT	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LÊ	AMD	74	1	14			66	HA VIỆT	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TGTH1	2	148	2	18	1	20	2		
2	AMD	16	1.142	18	148	0	0	17		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.290</b>	<b>20</b>	<b>166</b>	<b>1</b>	<b>20</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.290</b>		<b>166</b>		<b>20</b>			

GRAND TOAL: 1.476 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

